

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN NAM SÁCH  
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2021/HNGĐ-ST

Ngày 12-7-2021

*"V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con"*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM SÁCH, TỈNH HẢI DƯƠNG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Trịnh Cẩm Vân.

***Các hội thẩm nhân dân:*** Bà Trần Thị Liên và ông Nguyễn Đắc Quýnh.

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Minh Đức - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nam Sách.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách:*** Ông Phùng Văn Huân - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 49/2021/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 4 năm 2021 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 25/6/2021 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Chị Lê Thị H, sinh năm 1997; Vắng mặt.

ĐKKHKT: Thôn TH, xã NT, huyện NS, tỉnh HD;

Địa chỉ: Thôn AX, xã QT, huyện NS, tỉnh HD.

- ***Bị đơn:*** Anh Mai Quang T, sinh năm 1995; Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn TH, xã NT, huyện NS, tỉnh HD.

- ***Người làm chứng:***

1- Ông Mai Văn T, sinh năm 1960 và bà Đoàn Thị T, sinh năm 1957;

Địa chỉ: Thôn TH, xã NT, huyện NS, tỉnh HD.

2- Ông Lê Đình M, sinh năm 1975 và bà Bùi Thị T, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Thôn AX, xã QT, huyện NS, tỉnh HD.

3- Anh Trần Văn T, sinh năm 1986 – Bí thư, trưởng thôn, thôn TH, xã NT, huyện NS, tỉnh HD

4- Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1955 – Là hàng xóm với anh T;

Địa chỉ: Thôn TH, xã NT, huyện NS, tỉnh HD;  
Đều vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 4 năm 2021 cùng các bản tự khai và các biên bản lấy lời khai, chị Lê Thị H trình bày:

*Về quan hệ hôn nhân:* Chị và anh Mai Quang T kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã NT, huyện NS, tỉnh HD vào ngày 27/3/2015 (Giấy đăng ký số 10/2015, quyển số 01/2015). Sau khi kết hôn vợ chồng chị ở chung với bố mẹ chồng tại thôn TH, xã NT, huyện NS, tỉnh HD. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do năm 2016 anh T chơi bời, chị hỏi thì anh T không thừa nhận nên vợ chồng cãi nhau, khi vợ chồng xảy ra xô xát anh T đã tát và đánh chị, nhưng vì con nên chị đã tha thứ cho anh T. Đến cuối năm 2017, con chung của anh chị là cháu N bị ốm, phải đi viện điều trị, viện phí lớn, kinh tế khó khăn, nhưng anh T không chia sẻ cùng chị mà đổ hết lỗi cho chị và gia đình chị. Sau đó nhiều lần anh T đòi ly hôn nhưng vì thương con nên chị không đồng ý. Đến năm 2019, anh T có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, chị bảo thì anh T thừa nhận và xin lỗi chị, hứa sẽ không tái phạm. Nhưng chỉ được một thời gian, anh T vẫn tiếp tục có quan hệ với người phụ nữ khác. Đến nay, chị không thể cho anh T thêm cơ hội nào nữa, vợ chồng có tiếp tục chung sống với nhau cũng không có hạnh phúc được. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh T.

*Về quan hệ con chung:* Vợ chồng chị có 02 con chung là Mai Thị Kim N, sinh ngày 08/10/2015 (Đã mất năm 2018) và Mai An N, sinh ngày 01/8/2018. Hiện nay chị đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu N. Nay ly hôn, chị có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cháu N, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

*Về tài sản chung và nợ chung:* Không có nên chị không yêu cầu giải quyết.

Anh Mai Quang T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến trụ sở Tòa án để làm việc. Cán bộ Tòa án đã cùng đại diện chính quyền địa phương xuống làm việc tại gia đình của bị đơn. Tại biên bản lấy lời khai ngày 14/5/2021, anh Mai Quang T trình bày: Đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập và các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng do công việc bận không

đến Tòa án làm việc được. Anh T xác nhận việc anh với chị H xác lập quan hệ hôn nhân như chị H trình bày là đúng. Quá trình chung sống vợ chồng cũng có mâu thuẫn nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ hàng ngày mà gia đình nào cũng có. Tháng 3/2021 anh thấy một người đàn ông làm cùng công ty với vợ chồng anh có hành động thiếu đúng đắn với chị H, anh có gặp người đàn ông đó nói chuyện thì chị H lại bênh. Vài ngày sau trong khi ăn cơm ở nhà bếp của công ty anh có yêu cầu chị H đưa điện thoại của chị H cho anh nhưng chị H không đưa nên anh đã đập điện thoại và đánh chị. Sau đó chị H đã về nhà bố mẹ đẻ sống, anh đã đến nhà bố mẹ đẻ chị H nhiều lần xin lỗi và muốn đón chị H về nhưng chị H cương quyết không về. Đến nay chị H có đơn xin ly hôn, anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên không đồng ý ly hôn. Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung, họ tên và ngày tháng năm sinh như chị H trình bày là đúng, hiện cháu N đã chết, còn cháu N đang sống cùng với chị H, nếu phải ly hôn anh đề nghị được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Ý kiến của những người làm chứng:*

Ông Mai Văn T và bà Đoàn Thị T (bố mẹ đẻ anh T) trình bày: Quá trình vợ chồng anh T, chị H chung sống từ từ khi kết hôn đến nay có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do kinh tế gia đình khó khăn. Sau khi con lớn của anh chị ấy mất, chị H có đi làm công ty, nhưng lại có tin đồn là chị H có quan hệ với người đàn ông khác nên vợ chồng chị H có xảy ra cãi nhau. Do anh T bức xúc việc chị H đưa con về nhà đẻ nên có đánh và có lời lẽ đe dọa chị H. Nhưng đến nay ông bà vẫn mong muốn vợ chồng anh T, chị H đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con. Về con chung anh T, chị H có 02 con như anh chị đã trình bày, nhưng cháu lớn đã chết; nếu chị H và anh T phải ly hôn thì ai nuôi con cũng được.

Ông Lê Đình M và bà Bùi Thị T (bố mẹ đẻ chị H) trình bày: Quá trình vợ chồng anh T chị H chung sống có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T vay tiền, nợ nần nhưng không nói cho chị H biết nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau về vấn đề kinh tế gia đình. Anh T còn có hành động đánh chị H. Tuy vợ chồng anh T, chị H xảy ra mâu thuẫn nhưng nguyện vọng của gia đình ông bà là muốn vợ chồng anh T, chị H đoàn tụ, còn nếu không đoàn tụ được thì việc ăn ở cùng với nhau nữa hay không do anh chị ấy tự quyết định. Về con chung: Ông bà xác định vợ chồng anh T, chị H có 02 con chung, cháu lớn đã chết, còn cháu nhỏ đang sống cùng với chị H; ông bà đề nghị Tòa án giao con chung cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng, ông bà sẽ hỗ trợ, phụ giúp chị H trong việc trông nom, chăm sóc cháu.

Bà Nguyễn Thị H (nguyên là chi hội trưởng chi hội phụ nữ thôn TH và là hàng xóm gia đình anh T) trình bày: Thời gian gần đây bà được biết vợ chồng anh T, chị H có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do khi chị H đi làm ở công ty có người đàn ông trêu ghẹo chị H nên vợ chồng anh chị ấy có to tiếng, cãi nhau. Hiện nay chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sống.

Xác minh tại thôn TH (ông Trần Văn T trưởng thôn) cung cấp: Quá trình anh T, chị H chung sống có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân cụ thể mâu thuẫn của vợ chồng anh chị ấy ông không nắm được. Hiện nay chị H đã về nhà bố mẹ đẻ sống.

Tại phiên tòa, chị Lê Thị H và anh Mai Quang T vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện NS tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng các thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, người làm chứng đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự; nguyên đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn đã tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng sau đó bỏ về không ký biên bản; đã được triệu tập họp lệ hai lần đến phiên tòa nhưng vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh T, chị H là đúng pháp luật. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; khoản 2 Điều 229; Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Luật phí và lệ phí 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án. Xử cho chị Lê Thị H ly hôn Mai Quang T. Về con chung: Giao cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Mai An N, sinh ngày 01/8/2018 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn, bị đơn đều xác định không có không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện NS đã gửi Thông báo thụ lý vụ án, các thông báo, các giấy triệu tập đến phiên họp, hòa giải và Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đến phiên tòa cho anh Mai Quang T. Anh T vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do; Chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Những người làm chứng - người có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, người được triệu tập họp lệ hai lần không đến. Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3

Điều 228; khoản 2 Điều 229; Điều 238 BLTTDS. Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt chị H, anh T và những người làm chứng.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Lê Thị H và anh Mai Quang T kết hôn tuân thủ các điều kiện kết hôn của Luật Hôn nhân và Gia đình nên xác nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, do kinh tế gia đình khó khăn, vợ chồng bất đồng trong quan điểm sống và bản thân anh T không tin tưởng chị H nên vợ chồng nhiều lần cãi nhau. Khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn anh T không bình tĩnh giải quyết sự việc mà có hành vi đánh chị H. Hai bên gia đình cũng đã nhiều lần động viên khuyên anh chị về đoàn tụ nhưng không có kết quả. Hiện nay chị H đã về nhà bố mẹ để sống, anh T cũng sang tìm gặp chị H nhưng chị H không về chung sống cùng với anh T. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống cùng anh T nên xin ly hôn. Anh T xin đoàn tụ nhưng không có giải pháp tháo gỡ mâu thuẫn, cải thiện cuộc sống vợ chồng. Tòa án thông báo anh đến tham gia phiên hòa giải, anh đã đến trình bày song không có lời nói mang tính chất hòa giải đoàn tụ vợ chồng và sau đó bỏ về không ký biên bản. Điều đó thể hiện anh không có thiện chí hòa giải để giải quyết mâu thuẫn giữa hai bên. HĐXX xét thấy mâu thuẫn giữa anh, chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị H.

[2] *Về quan hệ con chung*: Chị Lê Thị H và anh Mai Quang T có 02 con chung là Mai Thị Kim N, sinh ngày 08/10/2015 (Đã mất năm 2018) và Mai An N, sinh ngày 01/8/2018. Hiện nay chị H đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu N. Anh T và chị H đều có nguyện vọng xin nuôi cháu N và không yêu cầu bên không nuôi con phải cấp dưỡng nuôi con chung. Nguyện vọng xin nuôi con của các bên đều chính đáng. Tuy nhiên do cháu N còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi, hiện chị H vẫn đang nuôi cháu ổn định. Thu nhập của chị H hiện nay là 8.000.000đồng/tháng đủ điều kiện nuôi con chung. Bố mẹ đẻ chị H cũng xác định tạo điều kiện giúp đỡ chị H trong việc nuôi con. Vì vậy, cần giao cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng cháu N là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị H xin nuôi con không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Yêu cầu của chị H là tự nguyện cần được chấp nhận.

[3] *Về quan hệ tài sản chung, nợ chung*: Chị Lê Thị H xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh T không có ý kiến về quan hệ tài sản chung nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[4] *Về án phí*: Chị Lê Thị H xin ly hôn, nên phải chịu án phí sơ thẩm dân sự theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Luật phí và lệ phí 2015; Nghị

quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; khoản 2 Điều 229; Điều 238; Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 17 Luật phí và lệ phí 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho chị Lê Thị H ly hôn anh Mai Quang T.

2. *Về con chung:* Giao con Mai An N, sinh ngày 01/8/2018 cho chị Lê Thị H tiếp tục nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh Mai Quang T có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

3. *Về án phí:* Chị Lê Thị H phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí sơ thẩm dân sự được đối trừ với 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí chị đã nộp tại biên lai số AA/2018/0004286 ngày 14/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện NS. Chị H đã nộp đủ án phí

Nguyên, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết./.

#### **Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát huyện NS;
- Chi cục THA dân sự huyện NS;
- UBND xã NT, H. NS;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trịnh Cẩm Vân**

